

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 02/2020/KDTM-PT

Ngày 19 - 02 - 2020

“V/v **Tranh chấp về đòi lại tài sản**”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phôn.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hải Minh

Ông Nguyễn Hữu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Ngọc Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:

Ông Võ Duy Bảo - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 22/2019/TLPT-KDTM ngày 16 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp về đòi lại tài sản”.

Do Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2019/KDTM-ST ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2020/QĐ-PT ngày 07 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xuất nhập khẩu P.

Địa chỉ: Số 01, phố T, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Văn C; chức vụ: Giám đốc; có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Khoáng sản A.

Địa chỉ: Bản N, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thị Minh H; chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn H1, sinh năm 1981; địa chỉ: Số nhà 10, Ngách 29/16, phố Đ, phường V, quận B, thành phố Hà Nội và ông Mai Đức T, sinh năm 1981; địa chỉ: Số 24, Ngõ 463, Phố Đ1, phường V, quận B, thành

phố Hà Nội; theo Giấy ủy quyền số 26/2019/GUQ-AT ngày 26 tháng 8 năm 2019; đều có mặt tại phiên tòa.

* Người kháng cáo: Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Khoáng sản A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, người đại diện của nguyên đơn ông Vũ Văn C trình bày:

Ngày 02 tháng 12 năm 2015, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xuất nhập khẩu P (viết tắt là Công ty P) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Khoáng sản A (viết tắt là Công ty A) đã ký Hợp đồng mua bán thiếc số 02/2015/PITCO-ATC. Theo đó, Công ty P mua số lượng là 40 tấn thiếc thỏi loại 25 (+/- 2) kg; thời gian chốt giá trong vòng 175 ngày kể từ ngày giao hàng cho Công ty A; hàng được giao từng lần là 20 tấn, giao hàng trước ngày 30 tháng 01 năm 2016; còn 20 tấn giao hàng trước ngày 30 tháng 02 năm 2016. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty P đã cho Công ty A tạm ứng số tiền 5.372.435.316 đồng. Từ khi Công ty A tạm ứng số tiền cho đến nay, phía Công ty A chưa giao được số hàng nào cho Công ty P. Công ty P đã nhiều lần làm văn bản yêu cầu nhưng Công ty A không giao hàng đúng cam kết và Công ty A cũng đã có văn bản trả lời về việc không giao đúng hợp đồng được.

Đến ngày 10 tháng 4 năm 2018, hai bên đã làm biên bản đối chiếu công nợ và thỏa thuận lãi suất 8,5%/năm. Đến ngày 31 tháng 3 năm 2018, Công ty A còn nợ Công ty P số tiền gốc tạm ứng và lãi suất là 6.434.191.973 đồng. Trong đó, số tiền gốc đã tạm ứng là 5.372.435.316 đồng, tiền lãi của số tiền đã tạm ứng tính đến ngày 31 tháng 3 năm 2018 là 1.061.756.657 đồng. Sau khi chốt nợ, Công ty A đã trả cho Công ty P số tiền 40.000.000 đồng.

Nay, Công ty P yêu cầu Tòa án buộc Công ty A trả số tiền tạm ứng gốc và lãi suất theo thỏa thuận tính đến ngày 30 tháng 7 năm 2019 tổng số tiền là 7.003.270.395 đồng. Trong đó, tiền gốc là 5.332.435.316 đồng, tiền lãi suất là 1.670.835.079 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm đã triệu tập họp lệ người đại diện của bị đơn đến tham gia phiên tòa nhưng người đại diện của bị đơn vắng mặt. Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện của bị đơn có bản khai thừa nhận đúng như người đại diện của nguyên đơn trình bày. Sau khi ký hợp đồng mua bán thiếc, Công ty A chưa giao được số lượng hàng nào Công ty P, Công ty P đã nhiều lần yêu cầu Công ty A giao hàng nhưng do thời kỳ đó sản xuất gặp nhiều khó khăn nên không thể giao hàng đúng như cam kết trong hợp đồng được. Đến ngày 10 tháng 4 năm 2018, hai bên có lập biên bản đối chiếu công nợ với nhau và thỏa thuận lãi suất là 8,5%/năm. Tính đến ngày 31 tháng 3 năm 2018, Công ty A còn nợ Công ty P số tiền là 6.434.191.973 đồng. Sau đó,

Công ty A đã trả được cho Công ty P 40.000.000 đồng. Nay, Công ty A sản xuất đang gặp nhiều khó khăn, đề nghị Công ty P giãn thời gian trả nợ và cho trả nợ dần.

Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2019/KDTM-ST ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Áp dụng Điều 34, Điều 37, Điều 306 của Luật Thương mại; khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xuất nhập khẩu P; buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Khoáng sản A có nghĩa vụ trả số tiền tạm ứng và tiền lãi suất tính đến ngày 30 tháng 7 năm 2019 cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xuất nhập khẩu P tổng số tiền là 7.003.270.395 đồng. Trong đó, tiền gốc là 5.332.435.316 đồng, tiền lãi suất là 1.670.835.079 đồng. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Khoáng sản A tiếp tục chịu lãi suất theo thỏa thuận cho đến khi trả hết số tiền tạm ứng trên.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự trong vụ án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23 tháng 8 năm 2019, bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Khoáng sản A kháng cáo không chấp nhận toàn bộ bản án sơ thẩm; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm, với lý do:

- Thứ nhất, việc Tòa án cấp sơ thẩm đã đưa cả 02 người được ủy quyền về cùng một nội dung vụ việc theo 02 giấy ủy quyền ở hai thời điểm ký khác nhau là không đảm bảo tố tụng. Về nguyên tắc thì giấy ủy quyền ký ngày 06 tháng 5 năm 2019 cho ông Hoàng Giang L (ký sau) đã thay thế cho giấy ủy quyền ký ngày 15 tháng 10 năm 2018 cho ông Trần Văn H1 (ký trước). Theo đó, ông Trần Văn H1 không được tham gia với tư cách là người đại diện theo ủy quyền;

- Thứ hai, Hợp đồng mua bán thiếc kỳ hạn số 02/2015/PITCO-ATC ký ngày 02 tháng 12 năm 2015 giữa các bên đã vi phạm quy định về quản lý ngoại hối tại Điều 22 Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH ngày 13 tháng 12 năm 2005 nên vô hiệu ngay tại thời điểm ký;

- Thứ ba, sau khi ký Hợp đồng mua bán thiếc kỳ hạn số 02/2015/PITCO-ATC ký ngày 02 tháng 12 năm 2015 và nhận tạm ứng thì thị trường thiếc thế giới và Việt Nam giảm sâu khoảng 23.000 USD/tấn xuống còn 16.000 USD/tấn nên cả hai công ty sẽ bị lỗ. Mặt khác, theo quy định của Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế và Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2016 đã

khiến cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khoáng sản bị ảnh hưởng nghiêm trọng do không được hoàn thuế giá trị gia tăng. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Khoáng sản A đã tìm cách giải quyết nhưng không thực hiện và phải thuộc trường hợp bất khả kháng theo Điều V (Điều khoản chung) của hợp đồng đã ký. Theo đó, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Khoáng sản A được miễn trừ mọi nghĩa vụ do sự kiện bất khả kháng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

Người đại diện của nguyên đơn không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán được phân công đã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự, thủ tục phiên tòa.

- Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 và Điều 294 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quyền tranh tụng của các đương sự tại phiên tòa được bảo đảm.

- Về thủ tục kháng cáo: Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Khoáng sản A kháng cáo trong thời hạn luật định, có nộp tiền tạm ứng án phí nên được Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý, giải quyết là đúng quy định pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Khoáng sản A, giữ nguyên bản án sơ thẩm; buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Khoáng sản A phải có nghĩa vụ trả số tiền tạm ứng và tiền lãi suất tính đến ngày 30 tháng 7 năm 2019 cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xuất nhập khẩu P tổng số tiền là 7.003.270.395 đồng. Trong đó, tiền gốc là 5.332.435.316 đồng, tiền lãi suất là 1.670.835.079 đồng. **Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp không chính xác nên cần xác định lại cho đúng.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã hỏi ý kiến của các đương sự có thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án hay không nhưng các đương sự không thỏa thuận được. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa theo quy định của pháp luật.

[2] Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2019/KDTM-ST ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An đã xét xử

buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Khoáng sản A có nghĩa vụ trả số tiền tạm ứng và tiền lãi suất tính đến ngày 30 tháng 7 năm 2019 cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xuất nhập khẩu P tổng số tiền là 7.003.270.395 đồng; trong đó, tiền gốc là 5.332.435.316 đồng, tiền lãi suất là 1.670.835.079 đồng. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Khoáng sản A kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Khoáng sản A:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa thể hiện: Ngày 02 tháng 12 năm 2015, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Khoáng sản A (sau đây gọi tắt là Công ty A) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xuất nhập khẩu P (sau đây gọi tắt là Công ty P) ký Hợp đồng mua bán thiếc kỳ hạn số 02/2015/PITCO-ATC về việc mua bán 40 tấn thiếc thỏi xuất khẩu; thời gian giao hàng cuối cùng là ngày 30 tháng 02 năm 2016. Sau khi ký hợp đồng, Công ty P đã tạm ứng cho Công ty A số tiền hàng 5.372.435.316 đồng; tuy nhiên, Công ty A chưa thực hiện đúng nghĩa vụ giao hàng theo đúng thỏa thuận. Ngày 16 tháng 02 năm 2016, Công ty A đã có Công văn số 05/CV-ATC về việc đề nghị Công ty P gia hạn thời gian giao hàng nhưng vẫn chưa thực hiện theo đúng cam kết.

Tại phiên tòa, người đại diện của bị đơn thừa nhận hợp đồng mua bán thiếc giữa Công ty A và Công ty P đã được ký kết đúng thẩm quyền, hợp đồng đã phát sinh hiệu lực kể từ ngày ký. Tuy nhiên, do điều kiện kinh doanh gặp khó khăn, Công ty A chưa giao hàng đúng thỏa thuận mặc dù đã được Công ty P tạm ứng tiền hàng. Ngày 10 tháng 4 năm 2018, hai bên đã tiến hành đối chiếu công nợ và thống nhất tổng số tiền Công ty A còn nợ Công ty P tính đến ngày 31 tháng 3 năm 2018 là 6.434.191.973 đồng, bao gồm 5.372.435.316 đồng tiền gốc và 1.061.756.657 đồng tiền lãi suất (với mức lãi suất 8,5%/năm). Như vậy, tại thời điểm đó, hai bên không có tranh chấp gì về hiệu lực của hợp đồng và đã tiến hành đối chiếu công nợ số tiền hàng tạm ứng cùng số tiền lãi suất phát sinh nhưng Công ty A chưa thực hiện được việc trả nợ. Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, người đại diện của bị đơn cũng thừa nhận: Đến ngày 31 tháng 3 năm 2018, Công ty A còn nợ Công ty P tổng số tiền 6.434.191.973 đồng, trong đó số tiền gốc 5.372.435.316 đồng, tiền lãi phát sinh 1.061.756.657 đồng (bút lục hồ sơ số 70, 71). Do đó, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty P buộc Công ty A phải trả nợ. Về số tiền phải trả, sau khi đối chiếu công nợ, Công ty A đã trả cho Công ty P số tiền 40.000.000 đồng. Số tiền còn lại 5.332.435.316 đồng và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận 8,5%/năm là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, cần buộc Công ty A

phải trả số tiền nợ cho Công ty P tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30 tháng 7 năm 2019) tổng số tiền là 7.003.270.395 đồng; trong đó, tiền gốc là 5.332.435.316 đồng, tiền lãi suất là 1.670.835.079 đồng là đúng pháp luật.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Khoáng sản A kháng cáo cho rằng việc Tòa án cấp sơ thẩm đã đưa cả 02 người được ủy quyền về cùng một nội dung vụ việc theo 02 giấy ủy quyền ở hai thời điểm ký khác nhau là không đảm bảo tố tụng. Xét thấy, ngày 15 tháng 10 năm 2018, Công ty A (do bà Phạm Thị Minh H, giám đốc và là người đại diện theo pháp luật) đã ủy quyền cho ông Trần Văn H1 làm đại diện để tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Ngày 06 tháng 5 năm 2019, Công ty A có văn bản ủy quyền cho ông Hoàng Giang L làm đại diện để tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Tại mục thời gian ủy quyền của hai giấy ủy quyền đều ghi: “Từ thời điểm ký giấy tờ tới thời điểm nội dung ủy quyền được hoàn tất, hoặc được thay thế, sửa đổi, chấm dứt bằng văn bản liên quan”. Như vậy, nội dung giấy ủy quyền không thể hiện rõ việc chấm dứt ủy quyền được thực hiện khi nào và Công ty A cũng không có văn bản về việc chấm dứt ủy quyền đối với ông Trần Văn H1. Mặt khác, việc Tòa án cấp sơ thẩm đưa ông Trần Văn H1 và ông Hoàng Giang L vào tham gia tố tụng không làm thay đổi bản chất của vụ án; nội dung trình bày và các ý kiến của ông H1 và ông L không mâu thuẫn, đối lập nhau. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 30 tháng 6 năm 2019 và ngày 30 tháng 7 năm 2019, ông Hòa và ông Linh đều vắng mặt. Tuy nhiên, tại phiên họp hòa giải ngày 07 tháng 5 năm 2019, ông H1, ông L có mặt và đều thống nhất về nội dung vụ việc nhưng không có ý kiến phản đối hay có ý kiến khác về việc ủy quyền tham gia tố tụng (bút lục hồ sơ số 70, 71). Do đó, không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo này của bị đơn.

Đối với nội dung kháng cáo cho rằng hợp đồng ký kết giữa các bên vi phạm quy định về quản lý ngoại hối nên vô hiệu tại thời điểm ký, tại Điều I và Điều III của hợp đồng quy định về giá tạm tính của hàng hóa mua bán là “Giá thiếc MLE-3 tháng - khoản trừ lùi theo thỏa thuận) x 85%” và “Tỷ giá quy đổi là tỷ giá chuyển khoản USD/VNĐ của Ngân hàng Thương mại Ngoại thương Việt Nam - Vietcombank công bố tại ngày lấy giá tạm tính cho phần trị giá tạm tính và tại ngày lấy giá chính thức cho phần giá chốt bổ sung”. Tuy nhiên, cũng tại Điều III của hợp đồng có quy định: “Phương thức thanh toán: Chuyển khoản VNĐ hoặc bù trừ công nợ”. Như vậy, việc các bên thỏa thuận giá hàng hóa theo thị trường kim loại màu London và tỷ giá quy đổi là tỷ giá chuyển khoản USD/VNĐ của Ngân hàng Thương mại Ngoại thương Việt Nam chỉ là căn cứ để xác định về tổng số tiền hàng bên mua phải trả cho bên bán còn việc thanh toán phải được thực hiện bằng tiền Việt Nam đồng. Do đó, việc thỏa thuận của hai bên không thuộc trường hợp hạn chế sử dụng ngoại hối, không vi phạm các quy định của pháp luật về quản lý ngoại

hồi. Mặt khác, sau khi ký hợp đồng, Công ty P đã chuyển số tiền tạm ứng bằng tiền Việt Nam đồng với số tiền 5.372.435.316 đồng, không phải tiền ngoại tệ, Công ty A đồng ý nhận và không có tranh chấp gì. Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện của bị đơn cũng đồng ý và không có yêu cầu gì. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo này của bị đơn.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Khoáng sản A còn cho rằng việc công ty không thực hiện giao hàng được thời hạn là do biến động của thị trường thiếc thế giới và do sự thay đổi của chính sách pháp luật nên thuộc trường hợp bất khả kháng theo Điều V (Điều khoản chung) của hợp đồng. Xét thấy, hai bên ký hợp đồng với nhau vào ngày 02 tháng 12 năm 2015 và thời hạn giao hàng chậm nhất là hết tháng 02 năm 2016. Mặc dù Công ty P đã chuyển số tiền tạm ứng nhưng Công ty A đã không thực hiện đúng thời gian giao hàng như đã cam kết. Công ty P cũng đã đồng ý gia hạn thời gian giao hàng nhưng Công ty A không thực hiện đúng. Công ty A cho rằng việc vi phạm thời gian giao hàng thuộc trường hợp bất khả kháng nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo ngày của bị đơn.

Từ các lập luận và chứng cứ nêu trên, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Khoáng sản A, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là đúng pháp luật.

[4] Đối với ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án không chính xác, xét thấy, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xuất nhập khẩu P khởi kiện đề nghị Công ty Trách nhiệm hữu hạn Khoáng sản A trả số tiền hàng tạm ứng và lãi suất phát sinh, số tiền này hai bên đã thừa nhận và đối chiếu công nợ. Do đó, cần xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp về đòi lại tài sản”, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng mua bán thiếc” là không chính xác và cần rút kinh nghiệm.

[5] Về án phí: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Khoáng sản A kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Khoáng sản A; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Căn cứ Điều 34, Điều 37, Điều 306 của Luật Thương mại; khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xuất nhập khẩu P; buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Khoáng sản A có nghĩa vụ trả số tiền tạm ứng và tiền lãi suất tính đến ngày 30 tháng 7 năm 2019 cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xuất nhập khẩu P tổng số tiền là 7.003.270.395 đồng (Bảy tỷ, không trăm linh ba triệu, hai trăm bảy mươi nghìn, ba trăm chín mươi lăm đồng); trong đó, tiền gốc là 5.332.435.316 đồng (Năm tỷ, ba trăm ba mươi hai triệu, bốn trăm ba mươi lăm nghìn, ba trăm mười sáu đồng), tiền lãi suất là 1.670.835.079 đồng (Một tỷ, sáu trăm bảy mươi triệu, tám trăm ba mươi lăm nghìn, không trăm bảy mươi chín đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất các đã bên thỏa thuận (8,5%/năm).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Về án phí sơ thẩm: Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Khoáng sản A phải chịu 115.003.270 đồng (Một trăm mười lăm triệu, không trăm linh ba nghìn, hai trăm bảy mươi đồng) án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm; trả lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xuất nhập khẩu P 56.755.000 đồng (Năm mươi sáu triệu, bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007112 ngày 13 tháng 7 năm 2018.

- Về án phí phúc thẩm: Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Khoáng sản A phải chịu 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm nhưng được khấu trừ 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0002675 ngày 28 tháng 8 năm 2019.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND huyện Quỳnh Hợp;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Hợp;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đăng Phồn